ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02 /2018/QĐ-UBND	*Hà Nam, ngày 18 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HÀ NAM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 225
Ngày: 29/01/2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày15/11/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ thông tư số 25/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (để b/cáo);
- TTTU, TTHĐND (để b/cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, NN&TNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KT.

H/QD 01/2018 QPPL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Những nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông và các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động khuyến nông bằng nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến nông

Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và các nguồn hoạt động khuyến nông hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 4. Chi tổ chức các hội nghị tập huấn kỹ thuật, đào tạo

1. Nội dung chi: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, chi bồi dưỡng giảng viên,văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, khen thưởng, tiền y tế cho lớp học.

2. Đối tượng và mức hỗ trợ:

a. Đối với người nông dân sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; tiền ăn không quá 70.000đ/người/ngày thực học đối với các hội nghị tập huấn kỹ thuật tổ chức tại tỉnh, thành phố; không quá 50.000đ/người/ngày thực học đối với huyện thị xã; không quá 25.000

đồng/người/ngày thực học đối với các hội nghị tập huấn kỹ thuật tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học đối với người học xa nơi cư trú từ 15km trở lên; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

b. Đối với chủ trang trại được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, bằng 50% theo mức quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

c. Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự đào tạo.

d. Đối với người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học.

e. Đối với người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, cho người học theo mức quy định tại điểm 2, khoản 2.1 Điều này.

f. Chi bồi dưỡng giảng viên: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

g. Chi cho việc tổ chức lớp học gồm: Thuê hội trường, trang trí khánh tiết, phục vụ, mức chi theo thực tế; tiền nước uống không quá 15.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Chi thông tin tuyên truyền:

Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho tổ chức, cá nhân có dự án thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến, thông qua:

1. Phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, tạp chí khuyến nông: Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, tạp chí khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: Đối với khuyến nông cấp tỉnh do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; đối với khuyến nông cấp huyện do Chủ tịch UBND huyện, thành phố phê duyệt.

Đối với tạp chí khuyến nông: Căn cứ nhu cầu thông tin trên tạp chí khuyến nông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối tượng và kinh phí tạp chí khuyến nông để cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông ở địa phương, các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ khuyến nông do địa phương quản lý và câu lạc bộ khuyến nông địa phương.

2. Diễn đàn khuyến nông, gồm: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống; báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo quy định khoản 2, Điều 5 Quy định này; mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Hội nghị: Hội nghị tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông. Mức chi theo quy định hiện hành về chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Chi tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp trong nước: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng; 100% chi phí thuê trang trí, tủ, kệ trưng bày, chi phí vận chuyển hàng (đi và về); hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho những người tham gia tổ chức hoạt động gian hàng, mức chi theo quy định về chế độ công tác phí hiện hành đối với công chức, viên chức nhà nước.

5. Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông: Chi tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc; chi vật tư hóa chất, thức ăn, dụng cụ, vận chuyển, phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi luyện tập; chi giải thưởng; chi hỗ trợ đưa đón thí sinh dự thi và chi khác (áp dụng Quyết định số 918/QĐ-BNN-TC ngày 5 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy định tạm thời nội dung, mức hỗ trợ và mức chi cho các hoạt động khuyến nông).

6. Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có).

Điều 6. Chi xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông

1. Nội dung:

a. Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ.

b. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao.

c. Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

2. Mức hỗ trợ:

a. Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: Được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và không quá 30% chi phí mua vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản và các loại vật tư khác phục vụ cho thực hiện mô hình).

b. Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: Được hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình.

c. Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

d. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả bền vững: Hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/mô hình.

e. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

f. Chi triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô

hình. Trong đó mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn không quá 25.000 đồng/người/ngày.

3. Điều kiện thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông: Đối với người sản xuất được hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn, cần những điều kiện sau:

- Có địa điểm để thực hiện mô hình trình diễn phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật của mô hình;

- Cam kết đầu tư vốn đối ứng cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của mô hình. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư thực tế của chủ mô hình;

- Chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung của mô hình.

Điều 7. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng

Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ. Mức chi 15 triệu đồng/1mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia áp dụng qui định tại khoản 2 điều 4 của quy định này.

Điều 8. Chi biên soạn tài liệu hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình.

Điều 9. Chi thuê chuyên gia trong nước phục vụ hoạt động khuyến nông

Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, dự án khuyến nông quyết định lựa chọn thuê chuyên gia trong nước; hình thức thuê (theo thời gian hoặc theo sản phẩm) cho phù hợp. Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu của công việc và trình độ của chuyên gia (đối với mức thuê chuyên gia từ 1.000 USĐ/người/tháng trở lên theo quy định của Bộ NN & PTNT).

Điều 10. Chi tham quan học tập trong nước

Tổ chức các đoàn tham quan học tập từ những mô hình khuyến nông có hiệu quả của các tỉnh trong toàn quốc, thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 11. Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông

Thực hiện theo quy định hiện hành về mua sắm trang thiết bị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 12. Chi quản lý chương trình, dự án khuyến nông

1. Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng tối đa không quá 2% kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông; chi khác (nếu có). Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông báo cáo cấp có thẩm

quyền phê duyệt nội dung và kinh phí (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kinh phí cấp tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố đối với kinh phí cấp huyện).

2. Đối với tổ chức thực hiện chương trình, dự án khuyến nông: Đơn vị triển khai thực hiện chương trình, dự án khuyến nông được chi không quá 3% dự toán chương trình, dự án khuyến nông cho xăng xe và quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.1. Lập dự toán kinh phí khuyến nông, để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở, gửi Sở Tài chính tổng hợp. Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện việc phân bổ và giao dự toán cho đơn vị có chức năng, nhiệm vụ làm khuyến nông theo chi tiết từng nội dung, chương trình để thực hiện;

1.2. Phê duyệt Dự toán chi tiết các lớp tập huấn, đào tạo, tham quan, học tập trong nước; nội dung của các mô hình trình diễn; quy mô, kinh phí hỗ trợ thông tin tuyên truyền, chi thuê chuyên gia, chi mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông ở tỉnh;

1.3. Theo dõi đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kinh phí chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự toán kinh phí khuyến nông hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị và cá nhân quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố

1. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí khuyến nông thuộc ngân sách các huyện, thành phố hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch. Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện việc phân bổ và giao dự toán cho đơn vị có chức năng, nhiệm vụ làm khuyến nông trên địa bàn huyện, thành phố theo chi tiết từng nội dung, chương trình để thực hiện;

2. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí khuyến nông cấp huyện, thành phố theo quy định hiện hành; đồng thời phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thường xuyên thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông trên địa bàn huyện, thành phố;

3. Phê duyệt Dự toán chi tiết các lớp tập huấn, đào tạo, tham quan, học tập trong nước; nội dung của các mô hình trình diễn; quy mô, kinh phí hỗ trợ thông tin tuyên truyền, chi thuê chuyên gia, chi mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện, thành phố;

4. Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kinh phí chương trình khuyến nông trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện chương trình dự án khuyến nông

1. Thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp hàng năm theo dự toán được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí được cấp theo quy định hiện hành;

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng nhà nước trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp;

3. Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến nông được giao về cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông